**Tiết: Thực hành Tiếng Việt:**

**TRẠNG NGỮ**

**I. Mục tiêu**

***1. Về năng lực:***

**a. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết được đặc điểm và chức năng liên kết câu của trạng ngữ.

- Biết cách sử dụng trạng ngữ để liên kết khi viết câu, dựng đoạn.

**b. Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác: kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, tự thu thập, tổng hợp và phân loại thông tin.

- Giải quyết vấn đề: phối hợp, vận dụng những kinh nghiệm của bản thân, kiến thức, kĩ năng để giải quyết các tình huống trong học tập.

***2. Về phẩm chất:***

*-* Chăm chỉ:chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, hoàn thành các bài tập.

- Trách nhiệm: có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao, cùng đội nhóm hoàn thành nhiệm vụ.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị dạy học**

- SGK, SGV

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm

- Phiếu học tập

**2. Học liệu**

- Tài liệu liên quan đến nội dung bài học.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, kết nối nội dung bài học

**b. Nội dung**: GV đặt câu hỏi liên quan đến nội dung bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| *Chuyển giao nhiệm vụ* | Cho câu văn:  *Em luôn mặc đồng phục.*  - Câu văn trên có gì chưa hợp lí?  - Em hãy thêm vào một cụm từ để câu văn hợp lí hơn? | - Điểm không hợp lí: luôn mặc đồng phục, thực tế không phải lúc nào “em” cũng phải mặc đồng phục mà chỉ mặc khi đến trường.  - Em luôn mặc đồng phục mỗi khi đến lớp.  - Mỗi khi đến lớp, em luôn mặc đồng phục. |
| *Thực hiện nhiệm vụ* | HS tham gia hoạt động xếp từ |
| *Báo cáo/ Thảo luận* | HS ghép thành nhóm tạo từ có nghĩa |
| *Kết luận/ Nhận định* | GV nhận xét hoạt động, chuyển ý giới thiệu vào nội dung bài học |

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Tri thức tiếng Việt**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được đặc điểm và chức năng liên kết câu của trạng ngữ.

**b. Nội dung**: GV tổ chức trò chơi VÒNG QUAY MAY MẮN giúp HS tìm hiểu nội dung bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| *Chuyển giao nhiệm vụ* | GV tổ chức trò chơi Vòng quay may mắn.  - Yêu cầu HS quan sát phần TRI THỨC TIẾNG VIỆT (SGK/38) để trả lời câu hỏi  1. Trạng ngữ là gì?  2. Có những loại trạng ngữ nào?  3. Trạng ngữ trả lời cho câu hỏi “Vì sao” là trạng ngữ chỉ…? (nguyên nhân)  4. Trạng ngữ có thể đứng ở những vị trí nào trong câu? (Đầu câu, cuối câu, giữa câu)  5. Trạng ngữ trả lời cho câu hỏi “Để làm gì” là trạng ngữ chỉ…? (Mục đích)  6. Trạng ngữ trả lời cho câu hỏi “Ở đâu” là trạng ngữ chỉ…? (Nơi chốn)  7. Trạng ngữ trả lời cho câu hỏi “Khi nào” là trạng ngữ chỉ…? (Thời gian)  8. Trạng ngữ trả lời cho câu hỏi “Như thế nào” là trạng ngữ chỉ…? (Cách thức)  9. Trạng ngữ có chức năng gì trong câu? | **I. Tri thức tiếng Việt**  **1. Khái niệm**  - Trạng ngữ là thành phần phụ của câu, giúp xác định thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích,… của sự việc nêu trong câu.  **2. Phân loại**  - Trạng ngữ chỉ thời gian, trạng ngữ chỉ nơi chốn, trạng ngữ chỉ nguyên nhân, trạng ngữ chỉ mục đích,...  **3. Chức năng**  - Bổ sung ý nghĩa cho sự việc trong câu và dùng để liên kết các câu, các đoạn trong văn bản |
| *Thực hiện nhiệm vụ* | HS hoạt động cá nhân |
| *Báo cáo/ Thảo luận* | HS trình bày cá nhân |
| *Kết luận/ Nhận định* | GV nhận xét, chốt kiến thức theo từng vấn đề. |

**Hoạt động 3. Luyện tập, vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS:

- Nhận biết được đặc điểm và chức năng liên kết câu của trạng ngữ.

- Biết cách sử dụng trạng ngữ để liên kết khi viết câu, dựng đoạn.

**b. Nội dung**:

- GV tổ chức trò chơi HẸN HÒ

**c. Sản phẩm:**

- Phiếu học tập, phần trình bày của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| Chuyển giao nhiệm vụ | GV sử dụng kĩ thuật hẹn hò giúp HS thực hành luyện tập  **Trò chơi hẹn hò**  1. HS tự vẽ đồng hồ lên giấy theo mẫu và ghi đầy đủ thông tin.  1: Thông báo luật hẹn  - Hẹn bạn khác tổ  - Mỗi múi giờ hẹn 1 bạn ( không bắt cá 2 tay)  3. Hẹn hò: chúng ta có 4 cuộc hẹn để giải quyết 4 bài tập SGK  - Hẹn 1: (GV hô) tụi mình có hẹn lúc 3h thì các bạn tìm đúng bạn ở múi giờ 3h để gặp gỡ và hoàn thành PHT số 1 (thời gian 4p).  - Hẹn 2: (GV hô) tụi mình có hẹn lúc 6h thì các bạn tìm đúng bạn ở múi giờ 9h để gặp gỡ và hoàn thành PHT số 2 (thời gian 4p).  - Hẹn 3: (GV hô) tụi mình có hẹn lúc 9h thì các bạn tìm đúng bạn ở múi giờ 9h để gặp gỡ và hoàn thành PHT số 3 (thời gian 3p).  - Hẹn 4: (GV hô) tụi mình có hẹn lúc 12h thì các bạn tìm đúng bạn ở múi giờ 12h để gặp gỡ và hoàn thành PHT số 4 (thời gian 3p).  - Sau mỗi cuộc hẹn kết thúc, GV sẽ kiểm tra bất kỳ một bạn trong một cuộc hẹn để các bạn trình bày nội dung của phiếu hẹn, điểm tính cho cả 2. | **II. Thực hành tiếng Việt** |
| Thực hiện nhiệm vụ | HS lắng nghe, suy nghĩ đưa ra đáp án. |
| Báo cáo/ Thảo luận | HS trả lời câu hỏi theo hướng dẫn của GV, HS khác bổ sung, hoàn thiện. |
| Kết luận/ Nhận định | GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức |
| Bài 1   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Phiếu học tập số 1**  **Đọc kĩ bài tập 1 (SGK/48) hoàn thành phiếu** | | | | **Câu** | **Trạng ngữ** | **Tác dụng của trạng ngữ** | | 1.a | Ngày cưới | - Bổ sung thông tin về thời gian diễn ra sự việc | | trong nhà Sọ Dừa | - Bổ sung thông tin về nơi chốn diễn ra sự việc | | 1.b | Đúng lúc rước dâu | - Bổ sung thông tin về thời gian diễn ra sự việc | | 1.c | Lập tức | - Bổ sung thông tin về cách thức diễn ra sự việc | | 1.d | Sau khi nghe sứ thần trình bày | - Bổ sung thông tin về thời gian diễn ra sự việc |   **Bài 2**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Phiếu học tập số 2**  **Đọc kĩ bài tập 2 (SGK/48) hoàn thành phiếu** | | | | **Câu** | **Trạng ngữ** | **Tác dụng liên kết** | | **2.a** | Năm ấy | Liên kết các câu trong đoạn, các sự việc diễn ra theo trình tự thời gian sự việc này tiếp nối sự việc kia | | Chẳng bao lâu | | Khi chia tay | | **2.b** | Từ ngày cô em út lấy được chồng trạng nguyên | Liên kết các câu trong đoạn trong mối liên hệ về thời gian và cách thức diễn ra sự việc. | | Nhân quan trạng đi sứ vắng |   **Bài 3**   |  |  | | --- | --- | | **Phiếu học tập số 3**  **Đọc kĩ bài tập 2 (SGK/48) hoàn thành phiếu** | | | **Từ láy** | **Tác dụng** | | véo von – rón rén – lăn lóc | Gợi tả âm thanh (véo von), hình ảnh, dáng vẻ (rón rén, lăn lóc) cụ thể sinh động, ấn tượng hơn. |   Bài 4   |  |  | | --- | --- | | **Phiếu học tập số 4**  **Đọc kĩ bài tập 4 (SGK/48) hoàn thành phiếu** | | | **Thành ngữ** | **Tác dụng** | | mừng như mở cờ trong bụng | Trạng thái mừng rỡ xen lẫn phấn khởi, hân hoan. | | | |

**Hoạt động viết ngắn**

**a. Mục tiêu:** Viết được đoạn văn liên quan đến nội dung bài học.

**b. Nội dung**: Sử dụng kĩ thuật viết tích cực.

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| Chuyển giao nhiệm vụ | **Kĩ thuật: Viết tích cực**  Cách tiến hành  B1: GV giao đề bài và dành thời gian cho HS tự do viết câu trả lời.  B2: HS viết nhanh, ngắn gọn những gì các em biết về nội dung bài học thời gian 5p.  B3: GV yêu cầu vài HS chia sẻ nội dung mà các em đã viết trước lớp theo hình thức trình bày 1 phút, dùng bảng kiểm đánh giá bài đồng đẳng.  **Đề bài: V**iết một đoạn văn (150 đến 200 chữ) trình bày cảm nghĩ về một truyện cổ tích mà em yêu thích, trong đó có sử dụng 3 trạng ngữ. | III. Viết ngắn  Sản phẩm của học sinh |
| Thực hiện nhiệm vụ | - HS tiến hành viết.  - GV theo dõi, hướng dẫn. |
| Báo cáo thảo luận | - GV gọi vài HS chia sẻ bài viết. |
| Kết luận nhận định | Gv nhận xét, cho điểm |

**IV. Hồ sơ dạy học**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phiếu học tập số 1**  **Đọc kĩ bài tập 1 (SGK/48) hoàn thành phiếu** | | |
| **Câu** | **Trạng ngữ** | **Tác dụng của trạng ngữ** |
| **1.a** |  |  |
|  |  |
| **1.b** |  |  |
| **1.c** |  |  |
| **1.d** |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phiếu học tập số 2**  **Đọc kĩ bài tập 2 (SGK/48) hoàn thành phiếu** | | |
| **Câu** | **Trạng ngữ** | **Tác dụng liên kết** |
| **2.a** |  |  |
|  |
|  |
| **2.b** |  |  |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Phiếu học tập số 3**  **Đọc kĩ bài tập 3 (SGK/48) hoàn thành phiếu** | |
| **Từ láy** | **Tác dụng** |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Phiếu học tập số 4**  **Đọc kĩ bài tập 4 (SGK/48) hoàn thành phiếu** | |
| **Thành ngữ** | **Tác dụng** |
|  |  |

**Bảng kiểm viết ngắn**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí đánh giá | | Đạt | C/đạt |
| 1. Nội dung | - Bày tỏ sự yêu thích của mình về một truyện cổ tích.  - Giải thích rõ lí do vì sao mình yêu thích. Như: cốt truyện, nhân vật, yếu tố kì ảo, kết thúc, bài học rút ra… |  |  |
| 2. Hình thức đoạn văn | - Viết hoa, lùi đầu dòng, kết thúc bằng dấu ngắt đoạn. |  |  |
| 3. Sử dụng trạng ngữ | - Đảm bảo có 03 trạng ngữ, có gạch chân trạng ngữ. |  |  |
| 4. Dung lượng 150 – 200 chữ | - Đảm bảo dung lượng trong giới hạn. |  |  |